Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3920.79.20

Mã HS	3920.79.20
Mô tả hàng hóa	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ xenlulo hoặc các dẫn xuất hóa học của nó: / - - Từ các dẫn xuất xenlulo khác: / - - - Từ sợi lưu hóa
Đơn vị	kg/m2/chiếc
Thời điểm tạo	10/11/2026 08:41:40
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/39207920/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	9	9%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K6069
Thuế NK ưu đãi (MFN)	6	6%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N6069
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q6069
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-ID, MM)	0% (trừ ID, MM)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-ID)	0% (trừ ID)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.4	3,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5879
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5840
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5840
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5840
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5840
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5840
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5840
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5884
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5884

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5884
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5884
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5884
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5884
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5882
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5882
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5882
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5882
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5882
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5882
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5890
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5846
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5842
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5842
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5842
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5842
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5842
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5842
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5865
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5865
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5865
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5865
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5865
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5865
VCFTA	2022	2022	2	VC!D5908
VCFTA	2023	2023	1	VC!E5908

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5908
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5908
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5908
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5908
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5893
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5893
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5893
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5893
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5893
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5893
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5896
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5896
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5896
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5896
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5896
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5896
EVFTA	2022	2022	2	EV-NK!D5881
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5881
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5881
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5881
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5881
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5881
UKVFTA	2022	2022	2	UKV!D5883
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5883
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5883
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5883

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5883
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5883
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5865
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5865
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5865
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5865
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5865
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5865
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5865
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5886
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5886
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5886
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5886
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5886
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5886
RCEP B	2022	2022	0	B!D5886
RCEP B	2023	2023	0	B!E5886
RCEP B	2024	2024	0	B!F5886
RCEP B	2025	2025	0	B!G5886
RCEP B	2026	2026	0	B!H5886
RCEP B	2027	2027	0	B!I5886
RCEP C	2022	2022	0	C!D5886
RCEP C	2023	2023	0	C!E5886
RCEP C	2024	2024	0	C!F5886
RCEP C	2025	2025	0	C!G5886
RCEP C	2026	2026	0	C!H5886

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I5886
RCEP D	2022	2022	0	D!D5886
RCEP D	2023	2023	0	D!E5886
RCEP D	2024	2024	0	D!F5886
RCEP D	2025	2025	0	D!G5886
RCEP D	2026	2026	0	D!H5886
RCEP D	2027	2027	0	D!I5886
RCEP E	2022	2022	0	E!D5889
RCEP E	2023	2023	0	E!E5889
RCEP E	2024	2024	0	E!F5889
RCEP E	2025	2025	0	E!G5889
RCEP E	2026	2026	0	E!H5889
RCEP E	2027	2027	0	E!I5889
RCEP F	2022	2022	0	F!D5886
RCEP F	2023	2023	0	F!E5886
RCEP F	2024	2024	0	F!F5886
RCEP F	2025	2025	0	F!G5886
RCEP F	2026	2026	0	F!H5886
RCEP F	2027	2027	0	F!I5886
VIFTA	2024	2024	5.1	VI!F5435
VIFTA	2025	2025	4.3	VI!G5435
VIFTA	2026	2026	3.4	VI!H5435
VIFTA	2027	2027	2.6	VI!I5435

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3920.79 có 4 dòng thuế; dòng 3920.79.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Từ sợi lưu hóa.	3920.79.10 Từ nitrocellulose (thuốc nổ bông); 3920.79.91 Dạng tấm và phiến (SEN); 3920.79.99 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3920.79.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 6% của mã 3920.79.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N6069), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.